

HỌC KÌ II

Bài 16: HÔ HẤP TẾ BÀO

Câu 1. Ở tế bào nhân thực, hoạt động hô hấp xảy ra chủ yếu ở loại bào quan nào sau đây ?

- A. Ti thể B. Bộ máy Gôngi C. Không bào D. Ribôxôm

Câu 2. Sản phẩm của sự phân giải chất hữu cơ trong hoạt động hô hấp là :

- A. Ôxi, nước và năng lượng B. Nước, đường và năng lượng
C. Nước, khí cacbonic và đường D. Khí cacbonic, nước và năng lượng

Câu 3. Sơ đồ tóm tắt nào sau đây thể hiện đúng quá trình đường phân

- A. Glucôzơ $\rightarrow$ axit piruvic + năng lượng
B. Glucôzơ $\rightarrow$ CO_2 + năng lượng
C. Glucôzơ $\rightarrow$ H_2O + năng lượng
D. Glucôzơ $\rightarrow$ CO_2 + nước

Câu 4. Năng lượng giải phóng khi tế bào tiến hành đường phân 1 phân tử glucôzơ là :

- A. 1 ADP B. 2 ADP C. 1 ATP D. 2 ATP

Câu 5. Trong quá trình hô hấp tế bào, ở giai đoạn chu trình Crep, nguyên liệu tham gia trực tiếp vào chu trình là: A. glucôzơ. B. axit piruvic. C. axetyl CoA. D. NADH, FADH.

Câu 6. Giai đoạn nào sau đây tạo ra nhiều ATP nhất?

- A. Đường phân B. Chu trình Crep
C. Chuỗi truyền electron hô hấp D. Lên men

Câu 7. Điện tử được tách ra từ glucôzơ trong hô hấp tế bào cuối cùng có mặt trong

- A. ATP. B. Nhiệt C. Glucôzơ. D. Nước.

Câu 8. Trong quá trình hô hấp tế bào, từ 1 phân tử glucôzơ tạo ra:

- A. 38 ATP B. 4 ATP C. 20 ATP D. 2 ATP

Bài 17: QUANG HỢP

Câu 1. Chất nào sau đây được cây xanh sử dụng làm nguyên liệu của quá trình quang hợp

- A. Khí ôxi và đường B. Đường và nước
C. Đường và khí cacbonic D. Khí cacbonic và nước

Câu 2. Phát biểu sau đây có nội dung đúng là :

- A. Trong quang hợp, cây hấp thụ O_2 để tổng hợp chất hữu cơ
B. Quang hợp là quá trình sử dụng ánh sáng để phân giải chất hữu cơ
C. Một trong các sản phẩm của quang hợp là khí O_2
D. Nguyên liệu của quang hợp là H_2O và O_2

Câu 3. Cho phương trình tổng quát sau: $\text{CO}_2 + (\text{A}) + \text{năng lượng ánh sáng} \rightarrow \text{O}_2 + \text{chất hữu cơ (B)}$. Trong phương trình trên, (A) và (B) lần lượt là:

- A. H_2O , cacbohidrat B. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$, axit piruvic C. H_2O , prôtêin D. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$, axetyl CoA

Câu 4. Trong quang hợp, O_2 được tạo ra từ quá trình nào?

- A. Hấp thụ ánh sáng của diệp lục B. Quang phân li nước
C. Các phản ứng oxi hóa khử D. Truyền điện tử

Câu 5. Sản phẩm của quá trình quang hợp gồm có:

- A. ATP, NADPH, O_2 B. ATP, O_2 C. Glucozơ, ATP, O_2 D. Cacbohidrat, O_2

Câu 6. Sản phẩm tạo ra trong chuỗi phản ứng tối của quá trình quang hợp là

A. $C_6H_{12}O_6$; O_2 ; B. H_2O ; ATP; O_2 ; C. $C_6H_{12}O_6$; H_2O ; ATP. D. $C_6H_{12}O_6$.

Câu 7. Quang hợp là quá trình:

- A. Biến đổi năng lượng mặt trời thành năng lượng hóa học.
- B. Giải phóng năng lượng ATP
- C. Phân giải chất hữu cơ phức tạp thành đơn giản
- D. Xảy ra ở mọi tế bào

BÀI 18: CHU KÌ TẾ BÀO VÀ QUÁ TRÌNH NGUYÊN PHÂN

Câu 1. Diễn biến nào sau đây đúng trong nguyên phân?

- A. Tế bào chất phân chia trước rồi đến nhân phân chia
- B. Nhân phân chia trước rồi mới phân chia tế bào chất
- C. Nhân và tế bào chất phân chia cùng lúc
- D. Chỉ có nhân phân chia còn tế bào chất thì không

Câu 2. Trong kỳ đầu của nguyên phân, nhiễm sắc thể có hoạt động nào sau đây?

- A. Tự nhân đôi tạo nhiễm sắc thể kép
- B. Bắt đầu co xoắn lại
- C. Co xoắn tối đa
- D. Bắt đầu giãn xoắn

Câu 3. Thoi phân bào bắt đầu được hình thành ở:

- A. Kỳ đầu
- B. Kỳ giữa
- C. Kỳ sau
- D. Kỳ cuối

Câu 4. Trong kỳ giữa, nhiễm sắc thể có đặc điểm:

- A. Ở trạng thái kép, bắt đầu co xoắn
- B. Ở trạng thái đơn, bắt đầu co xoắn
- C. Ở trạng thái kép, co xoắn cực đại
- D. Ở trạng thái đơn, co xoắn cực đại

Câu 5. Trong nguyên phân, khi nằm trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào, các nhiễm sắc thể xếp:

- A. 1 hàng
- B. 2 hàng
- C. 3 hàng
- D. 4 hàng

Câu 6. Nhiễm sắc thể có hình thái đặc trưng và dễ quan sát nhất vào:

- A. Kỳ đầu
- B. Kỳ cuối
- C. Kỳ sau
- D. Kỳ giữa

Câu 7. Những kỳ nào sau đây trong chu kỳ tế bào, nhiễm sắc thể ở trạng thái kép?

- A. Trung gian, đầu và cuối
- B. Đầu, giữa, cuối
- C. Trung gian, đầu và giữa
- D. Đầu, giữa, sau và cuối

Câu 8. Hoạt động của nhiễm sắc thể xảy ra ở kỳ sau của nguyên phân là:

- A. Phân li về 2 cực tế bào ở trạng thái kép
- B. Tách tâm động và phân li về 2 cực của tế bào
- C. Không tách tâm động và dẫn xoắn
- D. Tiếp tục xếp trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào

Câu 9. Trong nguyên phân, trạng thái đơn của nhiễm sắc thể tồn tại ở:

- A. Kỳ đầu và kỳ cuối
- B. Kỳ sau và kỳ cuối
- C. Kỳ sau và kỳ giữa
- D. Kỳ cuối và kỳ giữa

Câu 10. Chu kỳ tế bào gồm các giai đoạn theo trình tự:

- A. Pha G1, G2, S, nguyên phân
- B. Pha G1, S, G2, nguyên phân
- C. Pha S, G1, G2, nguyên phân
- D. Pha G2, G1, S, nguyên phân

Câu 11. Hiện tượng dẫn xoắn nhiễm sắc thể xảy ra vào:

- A. Kỳ giữa B. Kỳ đầu C. Kỳ sau D. Kỳ cuối

BÀI 19: GIẢM PHÂN

Câu 1: Ở những loài sinh sản hữu tính, giảm phân chỉ xảy ra ở loại tế bào nào sau đây?

- A. Tế bào sinh dưỡng B. Tế bào giao tử
C. Tế bào sinh dục chín D. Tế bào hợp tử

Câu 2: Sự tiếp hợp và trao đổi chéo NST diễn ra ở kì nào trong giảm phân?

- A. Kì đầu I B. Kì giữa I C. Kì đầu II D. Kì giữa II

Câu 3: Về mặt di truyền, sự trao đổi chéo của NST tại kì đầu của giảm phân I có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Làm tăng số lượng NST trong tế bào.
B. Tạo ra sự ổn định về thông tin di truyền.
C. Tạo ra nhiều loại giao tử, góp phần tạo ra sự đa dạng sinh học.
D. Duy trì tính đặc trưng về cấu trúc NST.

Câu 4. Đặc điểm có ở giảm phân mà không có ở nguyên phân là:

- A. Xảy ra sự biến đổi của nhiễm sắc thể B. Có sự phân chia của tế bào chất
C. Có 2 lần phân bào D. Nhiễm sắc thể tự nhân đôi

Câu 5. Trong giảm phân, nhiễm sắc thể tự nhân đôi vào:

- A. Kỳ giữa I B. Kỳ trung gian trước lần phân bào I
C. Kỳ giữa II D. Kỳ trung gian trước lần phân bào II

Câu 6. Vào kỳ giữa II của giảm phân và kỳ giữa của nguyên phân có hiện tượng giống nhau là:

- A. Các nhiễm sắc thể xếp 1 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào
B. Nhiễm sắc thể dẫn xoắn
C. Thoi phân bào biến mất
D. Màng nhân xuất hiện trở lại

Câu 7. Trong quá trình giảm phân II, các nhiễm sắc thể chuyển từ trạng thái kép trở về trạng thái đơn bắt đầu từ kỳ nào sau đây?

- A. Kỳ đầu II B. Kỳ giữa II C. Kỳ sau II D. Kỳ cuối II

Bài 22: DINH DƯỠNG, CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở VI SINH VẬT

Câu 1: Dựa vào nguồn năng lượng và nguồn cacbon, người ta chia vi sinh vật làm mấy nhóm?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây không đúng về cấu tạo vi sinh vật?

- A. Cơ thể nhỏ bé, chỉ nhìn thấy rõ dưới kính hiển vi. B. Tất cả các vi sinh vật đều có nhân sơ.
C. Một số vi sinh vật có cơ thể đa bào. D. Đa số vi sinh vật có cơ thể là một tế bào.

Câu 3: Hình thức dinh dưỡng bằng nguồn cacbon chủ yếu là CO_2 , và năng lượng là ánh sáng được gọi là gì?

- A. Hoá tự dưỡng. B. Quang tự dưỡng. C. Hoá dị dưỡng. D. Quang dị dưỡng.

Câu 4: Quang dị dưỡng có ở loại VSV nào sau đây?

- A. Vi khuẩn màu tía. B. Vi khuẩn sắt. C. Vi khuẩn lưu huỳnh. D. Vi khuẩn nitrat hoá.

Câu 5: VSV tự dưỡng có khả năng nào sau đây?

- A. Tổng hợp chất vô cơ từ chất hữu cơ.

- B. Tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ.
- C. Tổng hợp chất hữu cơ này từ chất hữu cơ khác.
- D. Tổng hợp chất vô cơ này từ chất vô cơ khác.

Câu 6: Quá trình nào sau đây **không phải** là ứng dụng lên men?

- A. Muối dưa, cà.
- B. Tạo rượu.
- C. Làm sữa chua.
- D. Làm dấm.

Câu 7: Lối sống tự dưỡng có ở bao nhiêu loại vi sinh vật dưới đây?

(1) Tảo đơn bào

(2) Vi khuẩn lưu huỳnh

(3) Vi khuẩn nitrat hoá

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 0.

Câu 8: Trong gia đình, có thể ứng dụng hoạt động của vi khuẩn lactic để thực hiện quá trình nào sau đây?

- A. Làm tương.
- B. Muối dưa.
- C. Làm nước mắm.
- D. Làm giấm.

Câu 9: Việc làm tương trong dân gian thực chất là tạo điều kiện thuận lợi để vi sinh vật thực hiện quá trình nào sau đây?

- A. Phân giải poli saccarit.
- B. Phân giải protein.
- C. Phân giải xenlulozơ.
- D. Lên men lactic.

BÀI 25-26: SINH TRƯỞNG VÀ SINH SẢN CỦA VI SINH VẬT

Câu 1: Sự sinh trưởng của quần thể vi sinh vật được đánh giá thông qua:

- A. Sự tăng lên về số lượng tế bào của quần thể
- B. Sự tăng lên về kích thước của từng tế bào trong quần thể
- C. Sự tăng lên về khối lượng của từng tế bào trong quần thể
- D. Sự tăng lên về cả kích thước và khối lượng của từng tế bào trong quần thể

Câu 2: Quá trình sinh trưởng của quần thể VSV trong môi trường nuôi cấy không liên tục theo trình tự là:

- A. Pha lũy thừa → pha tiềm phát → pha cân bằng → pha suy vong.
- B. Pha tiềm phát → pha cân bằng → pha suy vong.
- C. Pha tiềm phát → pha lũy thừa → pha cân bằng.
- D. Pha tiềm phát → pha lũy thừa → pha cân bằng → pha suy vong.

Câu 3: Trong nuôi cấy không liên tục, số lượng vi sinh vật ở pha tiềm phát:

- A. Chưa tăng
- B. Đạt mức cực đại
- C. Đang giảm
- D. Tăng lên rất nhanh

Câu 4: Có một pha trong quá trình nuôi cấy không liên tục mà ở đó, số lượng vi khuẩn đạt mức cực đại và không đổi, số lượng tế bào sinh ra bằng số lượng tế bào chết đi. Pha đó là:

- A. Pha tiềm phát
- B. Pha lũy thừa
- C. Pha cân bằng
- D. Pha suy vong

Câu 5: Ý nào sau đây **không phải** là đặc điểm của phương pháp nuôi cấy vi sinh vật không liên tục?

- A. Điều kiện môi trường nuôi cấy được duy trì ổn định.
- B. Pha lũy thừa thường chỉ được vài thế hệ.
- C. Không đưa thêm chất dinh dưỡng vào môi trường nuôi cấy.
- D. Không rút bỏ các chất thải và sinh khối dư thừa.

Câu 6: Trong nuôi cấy không liên tục, ở pha suy vong số lượng cá thể giảm dần do nhiều nguyên nhân. Có bao nhiêu nguyên nhân sau đây là đúng:

- (1) Chất dinh dưỡng trong môi trường nuôi cấy bị cạn kiệt
- (2) Chất độc hại được tích lũy quá nhiều

- (3) Vi sinh vật trong quần thể bị phân hủy ngày càng nhiều
(4) Chất dinh dưỡng trong môi trường nuôi cấy luôn ổn định.

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7: Với trường hợp nuôi cấy không liên tục, để thu được lượng sinh khối vi sinh vật tối đa nên tiến hành thu hoạch vào

A. pha tiềm phát B. cuối pha lũy thừa C. cuối pha cân bằng D. đầu pha suy vong

Câu 8: Trong điều kiện nuôi cấy thích hợp, số tế bào của quần thể vi khuẩn có được sau 10 lần phân chia từ một tế bào vi khuẩn ban đầu là:

A. 1024 B. 1240 C. 1420 D. 200

Câu 9: Trong thời gian 100 phút, từ một tế bào vi khuẩn đã phân bào tạo ra tất cả 32 tế bào mới. Hãy cho biết thời gian cần thiết cho một thế hệ của tế bào trên là bao nhiêu?

A. 2 giờ B. 60 phút C. 40 phút D. 20 phút

Bài 27. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG CỦA VI SINH VẬT

Câu 1: Hóa chất nào sau đây có tác dụng ức chế sự sinh trưởng của vi sinh vật?

A. Lipit B. Protein C. Phenol D. Vitamin

Câu 2: Nguyên tố nào sau đây là nguyên tố vi lượng?

A. Ca B. Cu C. K D. Na

Câu 3: Khoảng nhiệt độ nào sau đây thuận lợi cho vi sinh vật ưa ấm phát triển?

A. 10⁰C - 30⁰C B. 20⁰C - 40⁰C C. 50⁰C - 65⁰C D. 80⁰C - 110⁰C

Câu 4: Hóa chất nào sau đây thường dùng để thanh trùng nước máy hoặc nước bể bơi?

A. Thủy ngân B. Andêhit C. Cồn D. Clo

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về tác động của chất ức chế đến vi sinh vật?

A. Iốt có tác dụng ôxi hóa các thành phần của tế bào.

B. Các hợp chất phenol gây biến tính protein.

C. Các andêhit gây bất hoạt protein.

D. Chất kháng sinh diệt khuẩn không có tính chọn lọc.

Bài 29: CẤU TRÚC CÁC LOẠI VIRUT

Câu 1. Có bao nhiêu ý sau đây đúng khi nói về vi rút là:

(1) Là dạng sống đặc biệt, (2) sống độc lập, (3) không có cấu tạo tế bào, (4) chỉ cấu tạo từ hai thành phần, (5) sống kí sinh nội bào bắt buộc, (6) lõi là ADN và ARN

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2. Đặc điểm sinh sản của virut là:

A. Sinh sản bằng cách phân đôi

B. Sinh sản dựa vào nguyên liệu của tế bào chủ

C. Sinh sản hữu tính

D. Sinh sản tiếp hợp

Câu 3. Vỏ capsit của virut được cấu tạo bằng chất:

A. ADN B. ARN C. Prôtêin D. Axit nucleic

Câu 4. Virut trần là virut:

A. Có nhiều lớp vỏ prôtêin bao bọc B. Chỉ có lớp vỏ ngoài, không có lớp vỏ trong

C. Có cả lớp vỏ trong và lớp vỏ ngoài D. Không có vỏ ngoài

Câu 5. Dựa vào hình thái ngoài, virus được phân chia thành các cấu trúc nào sau đây?

- A. Cấu trúc xoắn, cấu trúc khối đa diện, cấu trúc hỗn hợp
- B. Cấu trúc cầu, cấu trúc khối, cấu trúc sợi
- C. cấu trúc xoắn, cấu trúc khối, cấu trúc que
- D. Cấu trúc que, cấu trúc xoắn

Câu 6. Virus nào sau đây vừa có dạng cấu trúc khối vừa có dạng cấu trúc xoắn?

- A. Thể thực khuẩn
- B. Virus HIV
- C. Virus cúm
- D. Virus gây bệnh dại

Câu 7. Câu có nội dung **đúng** trong các câu sau đây là:

- A. Virus gây bệnh ở người có chứa ADN và ARN
- B. Virus gây bệnh ở thực vật thường bộ gen là ARN
- C. Thể thực khuẩn không có bộ gen
- D. Virus gây bệnh ở vật nuôi không có vỏ capsit

Câu 8. Hai thành phần cơ bản của tất cả các virus bao gồm

- A. protein và axit amin.
- B. protein và axit nucleic.
- C. axit nucleic và lipid.
- D. prtein và lipid..

Câu 9. Cấu tạo của virus trần gồm có

- A. axit nucleic và capsit.
- B. axit nucleic, capsit và vỏ ngoài.
- C. axit nucleic và vỏ ngoài.
- D. capsit và vỏ ngoài.

Câu 10. Đặc điểm chỉ có ở vi rút mà không có ở vi khuẩn là

- A. có cấu tạo tế bào.
- B. chỉ chứa ADN hoặc ARN.
- C. chứa cả ADN và ARN.
- D. chứa ribôxôm, sinh sản độc lập.

Bài 30: SỰ NHÂN LÊN CỦA VIRUS TRONG TẾ BÀO CHỦ

Câu 1. Chu trình nhân lên của virus gồm 5 giai đoạn theo trình tự...

- A. hấp phụ - xâm nhập - lắp ráp - sinh tổng hợp - phóng thích.
- B. hấp phụ - xâm nhập - sinh tổng hợp - phóng thích - lắp ráp.
- C. hấp phụ - lắp ráp - xâm nhập - sinh tổng hợp - phóng thích
- D. hấp phụ- xâm nhập- sinh tổng hợp- lắp ráp- phóng thích.

Câu 2. Ở giai đoạn xâm nhập của virus vào tế bào chủ xảy ra hiện tượng nào sau đây?

- A. Virus bám trên bề mặt của tế bào chủ
- B. Axit nucleic của virus được đưa vào tế bào chất của tế bào chủ
- C. Thụ thể của virus liên kết với thụ thể của tế bào chủ
- D. Virus di chuyển vào nhân của tế bào chủ

Câu 3. Virus sử dụng enzym và nguyên liệu của tế bào chủ để tổng hợp axit nucleic và prôtêin.

Hoạt động này xảy ra ở giai đoạn nào sau đây?

- A. Giai đoạn hấp phụ
- B. Giai đoạn xâm nhập
- C. Giai đoạn sinh tổng hợp
- D. Giai đoạn phóng thích

Câu 4. Sinh tan là quá trình:

- A. Virus xâm nhập vào tế bào chủ
- B. Virus sinh sản trong tế bào chủ
- C. Virus nhân lên và làm tan tế bào chủ
- D. Virus gắn trên bề mặt của tế bào chủ

Câu 5. Hiện tượng virus xâm nhập và gắn bộ gen vào tế bào chủ mà tế bào chủ vẫn sinh trưởng bình thường được gọi là hiện tượng?

- A. Tiềm tan B. Sinh tan C. Hoà tan D. Dung hợp

Câu 6. Giai đoạn nào sau đây xảy ra sự liên kết giữa các thụ thể của virus với thụ thể của tế bào chủ?

- A. Giai đoạn xâm nhập B. Giai đoạn sinh tổng hợp
C. Giai đoạn hấp phụ D. Giai đoạn phóng thích

Câu 7. Các phagơ mới được tạo thành phá vỡ tế bào chủ chui ra ngoài được gọi là giai đoạn

- A. hấp phụ. B. phóng thích. C. sinh tổng hợp. D. lắp ráp.

CÂU HỎI TỰ LUẬN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 2

NĂM HỌC 2020- 2021

Câu 1. Hô hấp tế bào là gì? Các giai đoạn và vị trí xảy ra các giai đoạn hô hấp tế bào.

Câu 2. Ở thực vật, pha sáng của quang hợp xảy ra ở đâu và tạo ra sản phẩm gì để cung cấp cho pha tối.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của việc điều hòa chu kì tế bào; ý nghĩa của nguyên phân; giảm phân.

Câu 4. Phân biệt các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật dựa vào nguồn năng lượng và nguồn cacbon.

Câu 5. Sự sai khác giữa lên men rượu và lên men lactic (loại vi sinh vật, sản phẩm)

Câu 6. Đặc điểm 4 pha sinh trưởng của quần thể vi khuẩn trong nuôi cấy không liên tục.

Câu 7. Vì sao trong nuôi cấy không liên tục, vi sinh vật tự phân hủy ở pha suy vong, còn nuôi cấy liên tục hiện tượng này không xảy ra?

Câu 8. Trình bày ảnh hưởng của nhiệt độ đến sinh trưởng của vi sinh vật? Nêu ứng dụng trong thực tế.

Câu 9. Nêu cấu tạo chung của virus.

Câu 10. Trình bày 5 giai đoạn nhân lên của virus trong tế bào

BÀI TẬP: Sinh trưởng của vi sinh vật. (công thức: $N=N_0 \times 2^n$; $n = t/g$)

**TRƯỜNG THPT THÁI
PHIÊN**

ĐỀ MINH HỌA

MÔN: SINH HỌC – LỚP 10

Thời gian làm bài: 45 **phút**; không kể thời gian phát đề

Mã đề thi 121

Họ và tên: Lớp: (ghi bằng chữ và bằng số)

Số báo danh: Phòng thi:

Họ, tên, chữ ký Giám thị:

Họ, tên, chữ ký Giám khảo:

Điểm (bảng số):

.....

Điểm (bảng chữ):

.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm): Học sinh dùng bút chì tô vào phương án trả lời đúng ở ô phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 1: Ở tế bào nhân thực, hoạt động hô hấp xảy ra chủ yếu ở loại bào quan nào sau đây ?

A. Ti thể B. Bộ máy Gôngi C. Không bào D. Ribôxôm

Câu 2: Chất nào sau đây được cây xanh sử dụng làm nguyên liệu của quá trình quang hợp

A. Khí ôxi và đường B. Đường và nước

C. Đường và khí cacbôníc

Câu 3: Diễn biến nào sau đây đúng trong nguyên phân?

A. Tế bào chất phân chia trước rồi đến nhân phân chia

B. Nhân phân chia trước rồi mới phân chia tế bào chất

C. Nhân và tế bào chất phân chia cùng lúc

D. Chỉ có nhân phân chia còn tế bào chất thì không

Câu 4: Có bao nhiêu ý sau đây đúng khi nói về vi rút là:

(1) Là dạng sống đặc biệt, (2) sống độc lập, (3) không có cấu tạo tế bào, (4) chỉ cấu tạo từ hai thành phần, (5) sống kí sinh nội bào bắt buộc, (6) lõi là ADN và ARN

A. 2

B. 3

C.4

D. 5

Câu 5: Ở ruồi giấm có bộ nhiễm sắc thể (NST) $2n = 8$. Vào kỳ trung gian, sau khi xảy ra tự nhân đôi, số NST trong mỗi tế bào là:

- A. 8 NST kép B. 16 NST đơn C. 8 NST đơn D. 16 NST kép

Câu 6: Chu trình nhân lên của virus gồm 5 giai đoạn theo trình tự...

- A. hấp phụ - xâm nhập - lắp ráp - sinh tổng hợp - phóng thích.
B. hấp phụ - xâm nhập - sinh tổng hợp - phóng thích - lắp ráp.
C. hấp phụ - lắp ráp - xâm nhập - sinh tổng hợp - phóng thích
D. hấp phụ- xâm nhập- sinh tổng hợp- lắp ráp- phóng thích.

Câu 7: Những kỳ nào sau đây trong nguyên phân, nhiễm sắc thể ở trạng thái kép?

- A. Đầu, giữa, cuối B. Đầu, giữa, sau và cuối
C. Trung gian, đầu và giữa D. Trung gian, đầu và cuối

Câu 8: Trong quang hợp, O_2 được tạo ra từ quá trình nào?

- A. Hấp thu ánh sáng của diệp lục B. Quang phân li nước
C. Các phản ứng oxi hóa khử D. Truyền điện tử

Câu 9: Một tế bào có $2n = 38$ NST trải qua 3 lần nguyên phân liên tiếp. Số tế bào con tạo ra là:

- A. 6 B. 8 C. 10 D. 12

Câu 10: Thoi phân bào bắt đầu được hình thành ở:

- A. Kỳ đầu B. Kỳ giữa C. Kỳ sau D. Kỳ cuối

Câu 11: Đặc điểm sinh sản của virus là:

- A. Sinh sản bằng cách phân đôi B. Sinh sản dựa vào nguyên liệu của tế bào chủ
C. Sinh sản hữu tính D. Sinh sản tiếp hợp

Câu 12: Trong quang hợp, sản phẩm của pha sáng được chuyển sang pha tối là:

- A. O_2 B. CO_2 C. ATP, NADPH D. NADPH

Câu 13: Câu 4. Trong kỳ giữa, nhiễm sắc thể có đặc điểm:

- A. Ở trạng thái kép, bắt đầu co xoắn B. Ở trạng thái đơn, bắt đầu co xoắn
C. Ở trạng thái kép, co xoắn cực đại D. Ở trạng thái đơn, co xoắn cực đại

Câu 14: Sản phẩm cố định CO_2 đầu tiên của chu trình C_3 là

- A. hợp chất 6 cacbon. B. hợp chất 5 cacbon.
C. hợp chất 4 cacbon. D. hợp chất 3 cacbon.

Câu 15: Vỏ capsit của virus được cấu tạo bằng chất:

- A. ADN B. ARN C. Prôtêin D. Axit nucleic

Câu 16: Sinh tan là quá trình:

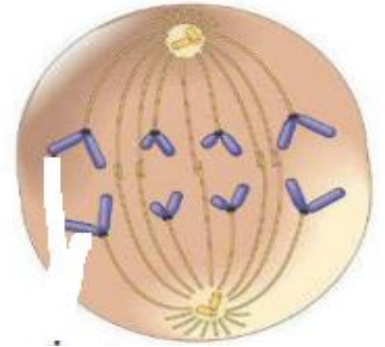
- A. Virus xâm nhập vào tế bào chủ B. Virus sinh sản trong tế bào chủ
C. Virus nhân lên và làm tan tế bào chủ D. Virus gắn trên bề mặt của tế bào chủ

Câu 17: Câu có nội dung đúng trong các câu sau đây là:

- A. Virut gây bệnh ở người có chứa AND và ARN
- B. Thể thực khuẩn không có bộ gen
- C. Virut gây bệnh ở vật nuôi không có vỏ capsit
- D. Virut gây bệnh ở thực vật thường bộ gen là ARN

Câu 18: Cho biết hình bên mô tả tế bào đang ở kì nào của quá trình nguyên phân và bộ nhiễm sắc thể $2n$ của loài?:

- A. Kì đầu; $2n = 4$
- B. Kì sau; $2n = 4$
- C. Kì sau; $2n = 8$
- D. Kì giữa; $2n = 8$



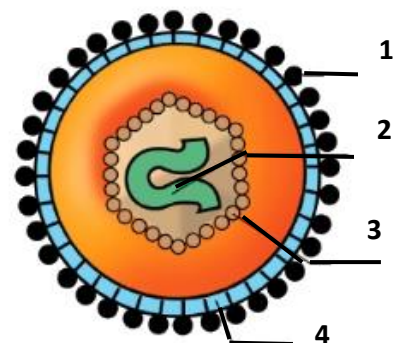
Câu 19: Câu trả lời nào **không** đúng đối với chu kỳ tế bào?

- A. Là khoảng thời gian giữa hai lần phân bào.
- B. Gồm các pha nhỏ là G_1 , S và G_2
- C. Kỳ trung gian chiếm phần lớn trong chu kỳ tế bào.
- D. Gồm kỳ trung gian và quá trình nguyên phân.

Câu 20: Hãy chú thích cấu tạo của virut sau theo thứ tự 1, 2, 3, 4

lần lượt là:

- A. Gai glicoprôtêin, lõi axit nuclêic, vỏ ngoài, capsome
- B. Vỏ ngoài, lõi axit nuclêic, gai glicoprôtêin, capsome
- C. Gai glicoprôtêin, lõi axit nucleic, capsôme, vỏ ngoài
- D. Gai glicoprôtêin, lõi axit nucleic, vỏ trong, vỏ capsit



II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm): Có 3 tế bào của một loài thực vật trải qua 5 lần nguyên phân liên tiếp. Xác định số tế bào con tạo ra sau nguyên phân?

-----HẾT-----